

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2026
v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồng Hải

Bà Nguyễn Thị Kiều Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng là thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng: Ông Lê Thế Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2026/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1021/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1018/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng C, sinh năm: 1996; Địa chỉ: K N, phường H, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Tiến H, sinh năm 1999; Địa chỉ: K T, phường T, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Tiến H tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Số K đường T, tổ E XH, phường T, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, ông H thường hay dùng chất kích thích, luôn nghi ngờ bà ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không đạt được kết quả, mâu thuẫn kéo dài, bà cảm thấy bị áp lực về thể xác và tinh thần. Từ đầu tháng

09/2025, bà đã dẫn hai con về nhà mẹ bà sinh sống tại địa chỉ: K đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Phạm Tiến H.

Về con chung: Bà Lê Thị Hồng C xác định vợ chồng bà có 02 con chung tên Phạm Lê An D, sinh ngày 16/11/2020 và Phạm Lê Anh D1, sinh ngày 18/3/2022. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phạm Lê An D, Phạm Lê Anh D1 và không yêu cầu ông Phạm Tiến H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Hồng C xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Hồng C xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phạm Tiến H: Mặc dù ông Phạm Tiến H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phạm Tiến H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng C.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hồng C đối với ông Phạm Tiến H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung là Phạm Lê An D, sinh ngày 16/11/2020 và Phạm Lê Anh D1, sinh ngày 18/3/2022 cho bà Lê Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng và ông Phạm Tiến H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Hồng C xác định không có.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Hồng C xác định không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 13/02/2026 thì nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn để xin ly hôn và nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Tố tụng dân sự) và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Phạm Tiến H có địa chỉ tại: K T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

[3] Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C. Bị đơn ông Phạm Tiến H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Hồng C và ông Phạm Tiến H tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2020, đăng ký ngày 25/9/2020. Do đó, hôn nhân giữa bà Lê Thị Hồng C và ông Phạm Tiến H là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hồng C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Phạm Tiến H vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông Phạm Tiến H bỏ mặc, không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Lê Thị Hồng C. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Lê Thị Hồng C và ông Phạm Tiến H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Hồng C được ly hôn với ông Phạm Tiến H.

[5] Về con chung:

[5.1] Bà Lê Thị Hồng C xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Lê An D, sinh ngày 16/11/2020 và Phạm Lê Anh D1, sinh ngày 18/3/2022. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy: Theo Giấy xác nhận thông tin về cư trú Công an phường H, thành phố Đà Nẵng thì hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng bà Lê Thị Hồng C tại K N, tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, việc giao 02 cháu cho bà Lê Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như để ổn định cuộc sống của các cháu. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Hồng C về việc giao con chung Phạm Lê An D và Phạm Lê Anh D1 cho bà Lê Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng.

[5.2] Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà Lê Thị Hồng C không yêu cầu ông Phạm Tiến H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông Phạm Tiến H và bà Lê Thị Hồng C đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Hồng C xác định không có.

[7] Về nợ chung: Bà Lê Thị Hồng C xác định không có.

[8] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;
- Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng C đối với ông Phạm Tiến H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Hồng C được ly hôn với ông Phạm Tiến H.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2020, đăng ký ngày 25/9/2020 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Lê An D, sinh ngày 16/11/2020 và Phạm Lê Anh D1, sinh ngày 18/3/2022 cho bà Lê Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Ông Phạm Tiến H không cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Hồng C xác định không có.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Hồng C xác định tự không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị Hồng C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001946 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Hồng C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng THADS kv 3- Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- VKSND kv 3 – Đà Nẵng;
- UBND P. Nam Dương (cũ) nay là UBND P. Hải Châu;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kiều Trang